

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 1426/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục báo cáo định kỳ trong lĩnh vực văn hóa và thể thao
thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng năm 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy
định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2023 của
UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn
tỉnh Khánh Hòa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số
1138/TTr-SVHTT ngày 07/4/2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục chế độ báo cáo định kỳ
trong lĩnh vực văn hóa và thể thao thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban,
ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban
nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách
nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh,
- Công TT CCHC tỉnh (VBĐT);
- Trung tâm CNTT&DVHCCTT tỉnh (VBĐT);
- Trung tâm Công báo (VBĐT);
- Lưu: VT, TN, ĐL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuân

DANH MỤC
BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA UBND TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 1426/QĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

PHẦN I:
DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

STT	Tên báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo	Ngành, lĩnh vực	Cơ quan nhận báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo				Tần suất thực hiện báo cáo
					Các Sở, Ban, ngành	Cấp huyện	Cấp xã	Tổ chức, cá nhân	
01	Báo cáo kết quả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”	Quyết định số 1412/QĐ-BCĐ ngày 18/5/2022 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tỉnh Khánh Hòa.	Văn hóa	Sở Văn hóa và Thể thao	0X	X			6 tháng, năm
02	Báo cáo kết quả thực hiện triển khai Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Kế hoạch số 5540/KH-UBND ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh	Thể thao	Sở Văn hóa và Thể thao	X	X			Hàng năm; Sơ kết năm 2025; Tổng kết năm 2030.

PHẦN II
CHI TIẾT NỘI DUNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TẠI PHẦN I
DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

**<Báo cáo kết quả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết
xây dựng đời sống văn hóa”>**

a) Đề cương báo cáo

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHONG TRÀO
“TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA**

1. Tên báo cáo: Báo cáo kết quả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.
2. Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.
3. Đối tượng thực hiện báo cáo: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.
4. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Văn hóa và Thể thao.
5. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Hệ thống quản lý văn bản E-Office.
6. Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 15/6 hàng năm; trước ngày 15/11 hàng năm.
7. Tần suất thực hiện báo cáo: 06 tháng, hàng năm.
8. Thời gian chốt số liệu báo cáo: ngày 01/12 hàng năm.
9. Mẫu đề cương báo cáo: đính kèm.
10. Biểu mẫu số liệu báo cáo: đính kèm.

b) Biểu mẫu báo cáo

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Báo cáo kết quả thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” 6 tháng (hoặc 1 năm)

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Đặc điểm tình hình.

2. Công tác tham mưu văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” (gọi tắt là Phong trào) *(theo văn bản của Trung ương và của UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Phong trào hàng năm)*.

a) Hoạt động của Ban Chỉ đạo Phong trào các cấp.

b) Công tác tuyên truyền, vận động.

c) Hoạt động phối hợp chỉ đạo và triển khai thực hiện Phong trào của các Sở, ngành, cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo Phong trào các cấp.

d) Việc bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động Phong trào.

- Kinh phí hoạt động Phong trào được ngân sách cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 144/2014/TTLT-BTC- BVHTT ngày 30/9/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Kinh phí xã hội hóa (nhân dân, cá nhân đóng góp; tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp tài trợ...).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHONG TRÀO

1. Kết quả thực hiện các nội dung trong Phong trào

1.1. Đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo

- Công tác triển khai thực hiện.

- Kết quả vận động (số tiền do nhân dân đóng góp xây dựng “Quỹ xóa đói giảm nghèo”; số gia đình được hỗ trợ từ “Quỹ xóa đói giảm nghèo” ...).

1.2. Thực hiện nếp sống văn hóa, kỷ cương pháp luật

- Công tác tuyên truyền, vận động thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12/01/1998 của Bộ Chính trị và các văn bản pháp luật có liên quan về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

- Kết quả thực hiện: Số gia đình, thôn, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc

tang, lễ hội (đạt tỷ lệ %); số cuộc tuyên truyền, phổ biến pháp luật thu hút người dân tham dự; số các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn do nhân dân đóng góp....

1.3. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

- Công tác triển khai thực hiện tiêu chí bảo vệ môi trường; mô hình xanh - sạch - đẹp - an toàn.

- Kết quả thực hiện: số thôn, tổ dân phố thực hiện các tiêu chí về vệ sinh môi trường (đạt tỷ lệ %); số xã, phường, thị trấn đạt danh hiệu lành mạnh không có tệ nạn xã hội, ma túy, mại dâm (đạt tỷ lệ %); số thôn, tổ dân phố thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở (đạt tỷ lệ %).

1.4. Xây dựng các thiết chế và hoạt động văn hóa, thể thao cơ sở

- Kết quả tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, công tác xã hội hóa tại hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở.

- Kết quả đầu tư, xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở (số xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa, sân thể thao (đạt tỷ lệ %); số thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa (đạt tỷ lệ %); số xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (đạt tỷ lệ %); số thôn có Nhà Văn hóa - Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; số tiền do nhân dân đóng góp xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở).

1.5. Thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội có nội dung văn hóa

Kết quả lồng ghép các nội dung văn hóa trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của các Sở, ban ngành, địa phương.

2. Kết quả thực hiện các Phong trào cụ thể

2.1. Phong trào xây dựng Gia đình văn hóa

- Công tác vận động người dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ Quy định xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”; Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh Quy định Bảng điểm chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Kết quả thực hiện: Tổng số gia đình văn hóa/Tổng số hộ gia đình (đạt tỷ lệ %).

2.2. Mặt trận tham gia vận động nhân dân xây dựng đời sống văn hóa trong Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”

- Kết quả thực hiện 05 nội dung trong Chương trình phối hợp 08/CTrPH-UBND-UBMTTQ ngày 30/10/2017 giữa UBND tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh về việc thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây

dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

2.3. Phong trào xây dựng thôn văn hóa, tổ dân phố văn hóa; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.

- Công tác vận động người dân đăng ký xây dựng hiệu Gia đình văn hóa, thôn, tổ dân phố văn hóa thôn theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ, Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh; Khuyến khích, vận động Nhân dân hưởng ứng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với việc thực hiện phường, thị trấn và thị xã, thành phố đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh; xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo Quyết định 2161/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022 - 2025;

- Công tác bình xét, chấm điểm và công nhận danh hiệu: Số thôn, tổ dân phố được công nhận văn hóa/Tổng số thôn, tổ dân phố (đạt tỷ lệ%); Số phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị/Tổng số phường, thị trấn (đạt tỷ lệ%); Số xã được công nhận đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới/Tổng số xã (đạt tỷ lệ%).

2.4. Phong trào xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa

- Công tác vận động đăng ký xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa theo hướng dẫn số 58/HD-TLĐ ngày 10/5/2022 về việc Triển khai thực hiện Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” giai đoạn 2021 - 2026;

- Kết quả thực hiện: Tổng số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hóa/Tổng số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (đạt tỷ lệ%).

2.5. Phong trào “Toàn dân rèn luyện thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại”

- Công tác triển khai các hoạt động thể dục thể thao tại cơ sở.

- Kết quả thực hiện: Tổng số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên; Tỷ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên; Tổng số gia đình thể thao; Tỷ lệ gia đình tập luyện thể dục thể thao; Kinh phí hoạt động (Cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh).

2.6. Phong trào học tập, lao động sáng tạo

- Công tác phát động phong trào thi đua học tập, lao động sáng tạo trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học ...

- Kết quả thực hiện Phong trào gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị, lĩnh vực chuyên môn của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học...; góp phần

nâng cao trình độ nghề nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào chuyên môn nghiệp vụ, sản xuất kinh doanh, phát huy những ý tưởng sáng tạo của tập thể, cá nhân...

2.7. Phong trào xây dựng người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến

- Công tác phát động phong trào thi đua, xây dựng người tốt, việc tốt, gương điển hình tiên tiến trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Kết quả thực hiện: Tổng số người tốt, việc tốt và điển hình tiên tiến về xây dựng đời sống văn hóa được khen thưởng (Cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã).

3. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các tiêu chí xây dựng, công nhận các danh hiệu văn hóa

- Kết quả xây dựng, ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các danh hiệu văn hóa.

- Kết quả kiểm tra, thẩm định, bình xét, công nhận các danh hiệu văn hóa cuối năm.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Những hạn chế, tồn tại

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN PHONG TRÀO TRONG 6 THÁNG (HOẶC NĂM) TIẾP THEO

1. Nhiệm vụ và giải pháp

2. Chỉ tiêu phấn đấu nâng cao chất lượng Phong trào: (Tỷ lệ %) đạt gia đình văn hóa; thôn, tổ dân phố văn hóa; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; số xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao và số Thôn có Nhà Văn hóa - Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ.

2. Đối với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp tỉnh./.

Nơi nhận:

-
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu)

c) Phụ lục báo cáo

BIỂU MẪU SỐ LIỆU-TĐĐKXDĐSVH
SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ PHÒNG TRÀO
TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA
(Kèm theo Đề cương báo cáo)

STT	Nội dung	Năm...
1	Công tác tập huấn	
	- Cấp tỉnh:	
	+ Số lớp	
	+ Số học viên	
	- Cấp huyện:	
	+ Số lớp	
	+ Số học viên	
2	Công tác tuyên truyền	
	- Cấp tỉnh:	
	+ Số cuộc tuyên truyền	
	+ Số người tham dự	
	- Cấp huyện:	
	+ Số cuộc tuyên truyền	
	+ Số người tham dự	
	- Cấp xã:	
	+ Số cuộc tuyên truyền	
	+ Số người tham dự	
3	Khen thưởng (tập thể)	
	- Cấp huyện	
	- Cấp xã	
4	Kinh phí cấp cho Ban Chỉ đạo	
	- Cấp tỉnh	
	- Cấp huyện	
	- Cấp xã	
5	Phòng trào Thể dục thể thao	
	- Số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên	
	- Tỷ lệ trên tổng số dân (%)	
6	Tổng số "người tốt, việc tốt" được bình xét	

2. Chi tiết nội dung Báo cáo kết quả triển khai Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021-2030

a) Đề cương báo cáo

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả thực hiện triển khai Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021-2030

- 1. Tên báo cáo:** Báo cáo kết quả triển khai Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021-2030;
- 2. Nội dung yêu cầu báo cáo:** Phân tích, đánh giá kết quả đạt được trong thực hiện cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021 – 2030;
- 3. Đối tượng thực hiện báo cáo:** UBND các huyện, thị xã, các sở, ngành;
- 4. Cơ quan nhận báo cáo:** Sở Văn hóa và Thể thao;
- 5. Phương thức gửi, nhận báo cáo:** Hệ thống quản lý văn bản E-Office;
- 6. Thời hạn gửi báo cáo:** 15/12 hàng năm;
- 7. Tần xuất thực hiện báo cáo:** Hàng năm, 5 năm, 10 năm;
- 8. Thời gian chốt số liệu báo cáo:** 1/12 hàng năm;
- 9. Mẫu đề cương báo cáo:** Đính kèm;
- 10. Mẫu số liệu báo cáo:** Đính kèm.

6. Công tác rèn luyện thân thể và hoạt động thể dục thể thao đối với cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang.

7. Về công tác xã hội hoá đối với các hoạt động thể dục thể thao.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về kết quả đạt được

2. Những hạn chế, tồn tại

3. Nguyên nhân

4. Những bài học kinh nghiệm

IV. BẢNG BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU (Phụ lục kèm theo)

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM..... (HOẶC GIAI ĐOẠN 2025-2030)

I. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU

Căn cứ tình hình kinh tế - xã hội, các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển TDTT giai đoạn 2021- 2030 và kết quả triển khai Cuộc vận động năm...(hoặc giai đoạn 2021 – 2025) để đề ra phương hướng và mục tiêu, chỉ tiêu Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” năm ...(hoặc giai đoạn 2025-2030) của địa phương, đơn vị.

II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP:

Nêu rõ những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể có tính khả thi, cụ thể về:

- Công tác tham mưu cho các cấp uỷ đảng, chính quyền trong triển khai các nội dung nhằm đẩy mạnh Cuộc vận động trong thời kỳ tới.

- Công tác quản lý nhà nước về thể dục thể thao

- Quy hoạch, kế hoạch phát triển thể dục thể thao quần chúng của địa phương, ngành giai đoạn 2021-2030.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị, đề xuất đối với các cấp, các ngành về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cần chỉ đạo thực hiện để phát triển sự nghiệp thể dục thể thao, những giải pháp để tháo gỡ những vấn đề còn tồn tại, hạn chế và tạo cơ chế, chính sách góp phần thúc đẩy cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021-2030.

2. Kiến nghị, đề xuất đối với Chính phủ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh.

3. Các kiến nghị, đề xuất khác.

Nơi nhận:

-;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu)

c) Phụ lục báo cáo**Thống kê số liệu**

Kết quả triển khai Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” năm....(hoặc giai đoạn 2021 – 2030)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	2021	2022	
I.	Thể dục thể thao cho mọi người				
1.	Thể dục thể thao quần chúng				
1.1	Tỷ lệ % số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên (số người tập/tổng dân số)	%			
1.2	Tỷ lệ % gia đình luyện tập thể dục thể thao (số gia đình luyện tập/tổng số hộ gia đình)	%			
1.3	Tổng số cộng tác viên thể dục thể thao cơ sở	Người			
1.4	Tổng số câu lạc bộ thể thao, trong đó:	Câu lạc bộ			
1.4.1	Tổng số câu lạc bộ thể thao hoạt động theo phương thức tự quản không nhằm mục đích kinh doanh (CLB thể thao xã, phường, cơ quan, đơn vị, trường học ...)	Câu lạc bộ			
-	Tổng số câu lạc bộ thể thao của người khuyết tật	Câu lạc bộ			
-	Tổng số câu lạc bộ thể thao của người cao tuổi	Câu lạc bộ			
1.4.2	Tổng cơ sở thể thao, số câu lạc bộ thể thao hoạt động theo phương thức kinh doanh dịch vụ thể thao.	Câu lạc bộ			
1.5	Tổng số giải thi đấu TDTT phong trào, trong đó:	Giải			
-	Tổng số giải phong trào cấp đơn vị, cơ sở (xã, phường, cơ quan, đơn vị tổ chức)	Giải			
-	Tổng số giải phong trào cấp huyện, quận	Giải			
-	Tổng số giải phong trào cấp tỉnh/thành, ngành	Giải			

-	Tổng số giải thi đấu TDTT phong trào cấp quốc gia	Giải			
1.6	Cơ sở vật chất, đất đai và công trình TDTT	Công			
1.6.1	Tổng số sân tập luyện TDTT, trong đó:	Sân			
-	Tổng số sân vận động có khán đài (có đường chạy)	Sân			
-	Tổng số sân vận động không có khán đài (có đường chạy)	Sân			
-	Tổng số Sân bóng đá 11 người	Sân			
-	Tổng số Sân bóng đá mi ni	Sân			
-	Tổng số Sân bóng chuyền	Sân			
-	Tổng số Sân bóng rổ	Sân			
-	Tổng số Sân cầu lông	Sân			
-	Tổng số Sân quần vợt	Sân			
-	Tổng số các loại sân thể thao khác	Sân			
1.6.2	Tổng số nhà tập luyện, thi đấu TDTT, trong đó:	Nhà			
-	Nhà tập luyện, thi đấu đa năng	Nhà			
-	Nhà tập luyện đơn môn	Nhà			
1.6.3	Tổng số bể bơi các loại, trong đó:	Bể			
-	Tổng số bể bơi có chiều dài 50m	Bể			
-	Tổng số bể bơi có chiều dài 25m	Bể			
-	Tổng số bể bơi, hồ bơi đơn giản, bể bơi lắp ghép	Bể			
1.6.4	Tổng số trường bắn	Trường bắn			
1.6.5	Tổng số công trình TDTT chia theo địa bàn, ngành, đoàn thể quản lý				
-	Tổng số công trình thể dục thể thao cấp tỉnh	Công trình			
-	Tổng số công trình thể dục thể thao cấp huyện	Công trình			

-	Tổng số công trình thể dục thể thao cấp xã	Công trình			
-	Số Trung tâm văn hóa-thể thao cấp xã	Trung tâm			
-	Số Nhà văn hóa-khu thể thao cấp thôn	Nhà			
-	Tổng số công trình thuộc ngành Công an nhân dân	Công trình			
-	Tổng số công trình thuộc ngành Quân đội nhân dân	Công trình			
-	Tổng số công trình thuộc ngành GD-ĐT (cơ sở đào tạo)	Công trình			
-	Tổng số công trình thuộc ngành LĐTBXH (cơ sở giáo dục nghề nghiệp)	Công trình			
-	Tổng số công trình thuộc Liên đoàn lao động, đoàn thanh niên ...	Công trình			
1.6.6	Tỷ lệ % số xã, phường đã có quy hoạch đất cho TDTT	%			
1.6.7	Tỷ lệ bình quân m ² đất cho TDTT/1 người dân tính chung toàn tỉnh	M ²			
1.6.8	Tổng số công trình thể thao của tỉnh, thành phố được ngành giáo dục và ngành thể dục, thể thao phối hợp khai thác, sử dụng hiệu quả	Công trình			
2	<i>Giáo dục thể chất, thể thao trường học</i>				
2.1	<i>Tổng số cơ sở đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</i>	Cơ sở			
2.1.1	Tổng số cơ sở giáo dục mầm non	Cơ sở			
2.1.2	Tổng số cơ sở giáo dục phổ thông	Cơ sở			
-	Tiểu học	Cơ sở			
-	Trung học cơ sở	Cơ sở			
-	Trung học phổ thông	Cơ sở			
-	Nhiều cấp học	Cơ sở			
2.1.3	Tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Cơ sở			
-	Tổng số TT giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên	Cơ sở			
-	Tổng số trường cao đẳng, trung cấp nghề	Cơ sở			
2.1.4	Tổng số cơ sở giáo dục Đại học	Cơ sở			
2.2	<i>Tổng số học sinh, sinh viên, trẻ em</i>	HSSV			
2.2.1	Tổng số trẻ giáo dục mầm non	Trẻ			

2.2.2	Tổng số học sinh giáo dục phổ thông	Học sinh			
-	Tiểu học	Học sinh			
-	Trung học cơ sở	Học sinh			
-	Trung học phổ thông	Học sinh			
-	Nhiều cấp học	Học sinh			
2.2.3	Tổng số HSSV cơ sở giáo dục nghề nghiệp	HSSV			
-	Tổng số HS TT giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên	Học sinh			
-	Tổng số HSSV cao đẳng, trung cấp nghề	HSSV			
2.2.4	Tổng số SV giáo dục Đại học	Sinh viên			
2.3	<i>Tổng số giáo viên thể dục</i>				
2.3.1	Tổng số giáo viên mầm non được bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục phát triển thể chất cho trẻ em	Giáo viên			
2.3.2	Tổng số giáo viên tiểu học bảo đảm tiêu chuẩn, trình độ đào tạo	Giáo viên			
2.3.3	Tổng số giáo viên tiểu học được bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa	Giáo viên			
2.3.4	Tổng số trường trung học cơ sở có đủ giáo viên thể dục	Trưởng			
2.3.5	Tổng số giáo viên trung học cơ sở đạt tiêu chuẩn và trình độ đào tạo	Giáo viên			
2.3.6	Tổng số giáo viên trung học cơ sở được bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa	Giáo viên			
2.3.7	Tổng số trường trung học phổ thông có đủ giáo viên thể dục	Trưởng			
2.3.8	Tổng số giáo viên trung học phổ thông đạt tiêu chuẩn và trình độ đào tạo theo quy định	Giáo viên			

2.3.9	Tổng số giáo viên trung học phổ thông được bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa	Giáo viên			
2.3.10	Tổng số trường trung học phổ thông có nhiều cấp học có đủ giáo viên thể dục	Trường			
2.3.11	Tổng số giáo viên trung học phổ thông có nhiều cấp học đạt tiêu chuẩn và trình độ đào tạo	Giáo viên			
2.3.12	Tổng số giáo viên trung học phổ thông có nhiều cấp học được bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa	Giáo viên			
2.3.13	Tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đủ giáo viên thể dục đảm bảo tiêu chuẩn và trình độ đào tạo	Cơ sở			
2.3.14	Tổng số cơ sở giáo dục đại học có đủ giáo viên thể dục đảm bảo tiêu chuẩn và trình độ đào tạo	Cơ sở			
2.4	<i>Cơ sở giáo dục đào tạo giáo viên TDTT</i>				
2.4.1	Tổng số cơ sở giáo dục (trường đại học, cao đẳng) đào tạo giáo viên thể dục, thể thao	Cơ sở			
2.4.2	Tổng số cơ sở giáo dục (trường đại học, cao đẳng) đào tạo giáo viên thể dục, thể thao đảm bảo các cơ sở vật chất (nhà tập, sân tập) và các trang thiết bị tập luyện đạt tiêu chuẩn	Cơ sở			
2.5	<i>Chương trình giáo dục thể chất</i>				
2.5.1	Trong các cơ sở giáo dục mầm non				
-	Tỷ lệ cơ sở thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình GDTC	%			
-	Tỷ lệ trẻ hiện đầy đủ nội dung, chương trình	%			
-	Tỷ lệ trẻ được đánh giá, phân loại thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ trẻ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định	%			
2.5.2	Trong các cơ sở giáo dục phổ thông				

-	Tỷ lệ cơ sở thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình GDTC	%			
-	Tỷ lệ cơ sở đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá GDTC	%			
-	Tỷ lệ HS thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình GDTC	%			
-	Tỷ lệ HS được đánh giá, phân loại thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ HS đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định	%			
2.5.3	Trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp				
-	Tỷ lệ cơ sở hiện đầy đủ nội dung, chương trình GDTC	%			
-	Tỷ lệ cơ sở đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá GDTC	%			
-	Tỷ lệ HSSV thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình GDTC	%			
-	Tỷ lệ HSSV được đánh giá, phân loại thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ HSSV đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định	%			
2.5.4	Trong các cơ sở GD Đại học				
-	Tỷ lệ cơ sở hiện đầy đủ nội dung, chương trình GDTC	%			
-	Tỷ lệ cơ sở đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá GDTC	%			
-	Tỷ lệ SV thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình GDTC	%			
-	Tỷ lệ SV được đánh giá, phân loại thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ SV đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định	%			
2.6	<i>Hoạt động thể thao ngoại khóa</i>				
2.6.1	Trong các cơ sở giáo dục mầm non				
-	Tỷ lệ cơ sở đảm bảo thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ cơ sở tổ chức dạy võ cổ truyền	%			

-	Tỷ lệ cơ sở thực hiện Chương trình sức khỏe VN	%			
2.6.2	Trong các cơ sở giáo dục phổ thông				
-	Tỷ lệ cơ sở có hoạt động thể thao ngoại khóa thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ HS tập luyện TDTT ngoại khóa thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ HS đạt tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực theo tiêu chuẩn	%			
-	Tổng số cơ sở có CLB TDTT	Câu lạc bộ			
-	Tỷ lệ cơ sở tổ chức dạy võ cổ truyền	%			
-	Tỷ lệ cơ sở tổ chức dạy bơi	%			
-	Tỷ lệ cơ sở đảm bảo thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ thường xuyên	%			
2.6.3	Trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp				
-	Tỷ lệ cơ sở có hoạt động thể thao ngoại khóa thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ HS tập luyện TDTT ngoại khóa thường xuyên	%			
-	Tổng số cơ sở có CLB TDTT	Câu lạc bộ			
-	Tỷ lệ cơ sở tổ chức dạy võ cổ truyền	%			
-	Tỷ lệ cơ sở đảm bảo thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ thường xuyên	%			
2.6.4	Trong các cơ sở GD Đại học				
-	Tỷ lệ cơ sở có hoạt động thể thao ngoại khóa thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ SV tập luyện TDTT ngoại khóa thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ SV đạt tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực theo tiêu chuẩn	Sinh viên			
-	Tổng số cơ sở có CLB TDTT	Câu lạc bộ			
-	Tỷ lệ cơ sở tổ chức dạy võ cổ truyền	Cơ sở			

-	Tỷ lệ cơ sở đảm bảo thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ thường xuyên	Cơ sở			
2.7	<i>Cơ sở vật chất phục vụ GDTC, thể thao ngoài khóa</i>	Công trình			
2.7.1	Trong các cơ sở giáo dục mầm non				
-	Phòng học GDTC	Phòng			
-	Sân chơi	Sân			
2.7.2	Trong các trường tiểu học				
-	Nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Sân tập luyện TDTT	Sân			
-	Bể bơi	Bể			
2.7.3	Trong các trường THCS				
-	Nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Sân tập luyện TDTT	Sân			
-	Bể bơi	Bể			
2.7.4	Trong các trường THPT				
-	Nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Sân tập luyện TDTT	Sân			
-	Bể bơi	Bể			
2.7.5	Trong các cơ sở GD nhiều cấp học				
-	Nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Sân tập luyện TDTT	Sân			
-	Bể bơi	Bể			
2.7.6	Trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp				
-	Nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Sân tập luyện TDTT	Sân			
-	Bể bơi	Bể			
2.7.7	Trong các cơ sở GD Đại học				
-	Nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Sân tập luyện TDTT	Sân			
-	Bể bơi	Bể			
3	Phong trào TDTT lực lượng vũ trang				
3.1	<i>Tổng số đơn vị, cơ sở</i>				
-	Tổng số đơn vị, cơ sở Công an nhân dân	Đơn vị			

-	Tổng số đơn vị, cơ sở Quân đội nhân dân	Đơn vị			
3.2	<i>Chương trình rèn luyện thể lực CBCS theo quy định</i>				
3.2.1	Công an nhân dân				
-	Tỷ lệ đơn vị thực hiện đủ chương trình RLTL CBCS theo quy định	%			
-	Tỷ lệ đơn vị đạt tiêu chuẩn tổ chức rèn luyện thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ CBCS tham gia rèn luyện thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ CBCS đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định	%			
3.2.2	Quân đội nhân dân	%			
-	Tỷ lệ đơn vị thực hiện đủ chương trình RLTL CBCS theo quy định	%			
-	Tỷ lệ đơn vị đạt tiêu chuẩn tổ chức rèn luyện thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ CBCS tham gia rèn luyện thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ CBCS đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định	%			
-	Tỷ lệ đơn vị thực hiện đủ chương trình RLTL CBCS theo quy định	%			
3.3	<i>Hoạt động thể thao thường xuyên</i>				
3.3.1	Công an nhân dân				
-	Tỷ lệ đơn vị tổ chức hoạt động thể thao thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ biết bơi	%			
-	Tổng số đơn vị có câu lạc bộ TDTT	Câu lạc bộ			
-	Tổng số đội bóng đá	Đội			
-	Tổng số cuộc thi đấu TDTT cấp đơn vị, cơ sở tổ chức	Cuộc			

-	Số cuộc tham gia thi đấu do ngành TDTT tổ chức	Cuộc			
-	Tổng số cán bộ, chiến sỹ tham gia Ngày chạy	CBCS			
3.3.2	Quân đội nhân dân				
-	Tỷ lệ đơn vị tổ chức hoạt động thể thao thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ biết bơi	%			
-	Tổng số đơn vị có câu lạc bộ TDTT	Câu lạc bộ			
-	Tổng số đội bóng đá	Đội			
-	Tổng số cuộc thi đấu TDTT cấp đơn vị, cơ sở tổ chức	Cuộc			
-	Số cuộc tham gia thi đấu do ngành TDTT tổ chức	Cuộc			
-	Tổng số cán bộ, chiến sỹ tham gia Ngày chạy	CBCS			
3.4	<i>Cơ sở, vật chất phục vụ hoạt động TDTT</i>	Công trình			
3.4.1	Công an nhân dân				
-	Nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Sân tập luyện TDTT	Sân			
-	Bể bơi	Bể			
3.4.2	Quân đội nhân dân				
-	Nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Sân tập luyện TDTT	Sân			
-	Bể bơi	Bể			
II.	Các tổ chức xã hội nghề nghiệp về thể dục thể thao				
2.1	Tổng số Liên đoàn, Hiệp hội thể thao được thành lập	Liên đoàn, hiệp hội			
2.2	Tổng số tổ chức xã hội nghề nghiệp về thể dục thể thao tham gia bồi dưỡng chuyên môn thể dục thể thao	Tổ chức			

2.3	Tổng số liên đoàn, hiệp hội thể thao tham gia điều hành hoạt động thể thao	Tổ chức			
2.4	Tổng số các tổ chức xã hội, doanh nghiệp tham gia tài trợ hoạt động thi đấu thể dục, thể thao trường học	Tổ chức			
III.	Tổng số nguồn lực huy động từ các tổ chức, tổ chức xã hội, cá nhân	Tỷ đồng			

